TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 05 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L – Sinh năm 1989

Trú tại: Khu 3, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Số CCCD: 038189002636, cấp ngày 23/01/2018; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T – Sinh năm 1983

Trú tại: Khu 3, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Số CMND: 173779995, cấp ngày 29/11/2008; Nơi cấp: Công an Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 3; Điều 6; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị L, sinh năm 1989 và anh Lê Hữu T, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Hữu T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2009 ngày 01/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho anh Lê Hữu T và chị Lê Thị L không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung, tên các cháu là Lê Thùy T, sinh ngày 20/10/2008 và cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2013, hiện các cháu đang phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Quá trình giải quyết vụ án cháu Lê Thùy T có bản ghi nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Lê Thị Thùy D có bản ghi nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Chị Lê Thị L và anh Lê Hữu T cũng thống nhất, đó là: Giao cháu Lê Thùy T, sinh ngày 20/10/2008 cho anh Lê Hữu T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2013 cho chị Lê Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị L và anh Lê Hữu T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận và thống nhất, không ai phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Lê Thị L và anh Lê Hữu T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L và anh Lê Hữu T đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận chị Lê Thị L đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GĐ sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005752 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, chị Lê Thị L được nhận lại số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Lê Hữu T phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa, T. Thanh Hóa
- UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa;
- UBND thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Lê Thị L;
- Bị đơn Lê Hữu T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng